



Thực giải kinh điển Phật giáo - rất cần trong giai đoạn chat GPT và AI phát triển như hiện nay

ISSN: 2734-9195

16:18 29/07/2024

Thực giải kinh điển Phật giáo là một hướng phù hợp với tinh thần của đức Phật, với xã hội đương đại, cũng như với văn hoá của người Việt Nam...

Thực giải kinh điển Phật giáo là một hướng phù hợp với tinh thần của đức Phật, với xã hội đương đại, cũng như với văn hoá của người Việt Nam...

Tác giả: **Thượng tọa Thích Hạnh Tuệ & Thích nữ Thanh Quế**

1. Dẫn nhập

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni sau khi thành tựu chính đẳng chính giác, giải thoát hoàn toàn viên mãn đã nỗ lực không ngừng đi giáo hoá liên tục trong 45 năm (theo Nam truyền), 49 năm (theo Bắc truyền), với hơn ba trăm pháp hội, khoảng tám vạn bốn ngàn bài pháp, tùy nơi, tùy lúc, tùy người, thuận lý, tùy theo căn cơ trình độ khác nhau để người nghe, người học đạt được hiệu quả giác ngộ an lạc giải thoát cao nhất.

Lịch sử luận giải, giảng giải kinh điển đã có từ lâu đời và thể tài vô cùng phong phú, tiêu biểu như: chú giải, sơ giải, yếu giải, diễn giải, giảng giải, lược giải, nghĩa giải, thiền giải, huyền giải, tường giải, luận giải... Thể loại luận trong tam tạng chủ yếu là để giải thích, giảng giải kinh, luật rõ ràng hơn và như chúng ta đã chứng kiến hàng vạn bộ luận lớn nhỏ ra đời làm cho Tam tạng thánh điển Phật giáo càng thêm đồ sộ, phong phú đa dạng.

[caption id="attachment_35909" align="aligncenter" width="600"]

Thực giải kinh điển Phật giáo Thực giải kinh điển Phật giáo[/caption]

Thực giải kinh điển Phật giáo là một hướng phù hợp với tinh thần của đức Phật, với xã hội đương đại, cũng như với văn hoá của người Việt Nam ta.

Trách nhiệm của một thầy Tỳ kheo, đệ tử Phật, không chỉ siêng năng học hỏi cặn kẽ, hiểu thông Kinh, Luật, Luận, sống thực hành sâu sắc theo chân lý Phật mà còn phải đem những điều mình hiểu, mình thực hành có kết quả chia sẻ, giảng giải chân thực cho đồng bào Phật tử và những người có duyên muốn nghe, làm theo.

2. Một số nguyên tắc, lợi ích khi thuyết giảng, thực giải Phật pháp

Kinh *Thuyết pháp ngũ phước* trong Đại tạng ghi, lúc ở tại vườn Kỳ Thọ Cấp Cô Độc, nước Xá Vệ, đức Phật dạy cho các vị Tỳ Kheo:

Này các Tỳ kheo, một hiền giả khi thuyết giảng pháp có được năm phước đức. Những gì là năm?

Thứ nhất là người ấy lúc sống được trường thọ.

Thứ hai là người ấy lúc sống được giàu có, nhiều châu báu của cải.

Thứ ba là người ấy lúc sống dung mạo đoan chính không sánh được.

Thứ tư là người ấy lúc sống được tiếng khen gần xa đều nghe.

Thứ năm là người ấy lúc sống được thông minh, trí tuệ

Đức Phật giảng tiếp:

Vì sao mà người thuyết pháp được trường thọ? Do đời trước lúc thuyết pháp, điều nói trước cũng thiện, điều nói giữa cũng thiện, điều nói sau cũng thiện. Điều nói ấy đầy đủ ý nghĩa, quy về chỗ tịch lặng, vô vi. Kẻ hiếu sát nghe pháp này liền dừng lại không sát hại nữa. Do vậy mà được trường thọ.

Vì sao mà người thuyết pháp được giàu có, nhiều tiền, nhiều của? Do đời trước lúc thuyết pháp, điều nói ở trước, giữa, sau đều đầy đủ ý nghĩa, quy về chỗ tịch lặng, vô vi. Kẻ trộm cắp nghe được Kinh liền dừng lại không trộm mà còn bố thí. Do vậy được giàu có.

Vì sao mà người thuyết pháp được đoan chính không sánh được? Do đời trước lúc thuyết pháp, điều nói ở trước, giữa, sau đều đầy đủ ý nghĩa, quy về chỗ tịch lặng, vô vi; khiến cho người nghe pháp an lành, hòa điệu, sắc mặt vui vẻ, tự sinh mừng rỡ. Do vậy mà được đoan chính.

Vì sao mà người thuyết pháp được tiếng khen xa nghe? Do đời trước lúc thuyết pháp, điều nói ở trước, giữa, sau đều đầy đủ ý nghĩa, quy về chỗ tịch lặng, vô vi;

khiến người nghe pháp kính Phật, kính Pháp, kính Tỳ kheo Tăng. Do vậy mà được nghe danh tiếng.

Vì sao mà người thuyết pháp được thông minh, trí tuệ? Do đời trước lúc thuyết pháp, điều nói ở trước, giữa, sau đều đầy đủ ý nghĩa, quy về chỗ tịch lặng, vô vi; khiến người nghe pháp thấy rõ trí tuệ tuyệt diệu. Do vậy mà được thông minh, trí tuệ.

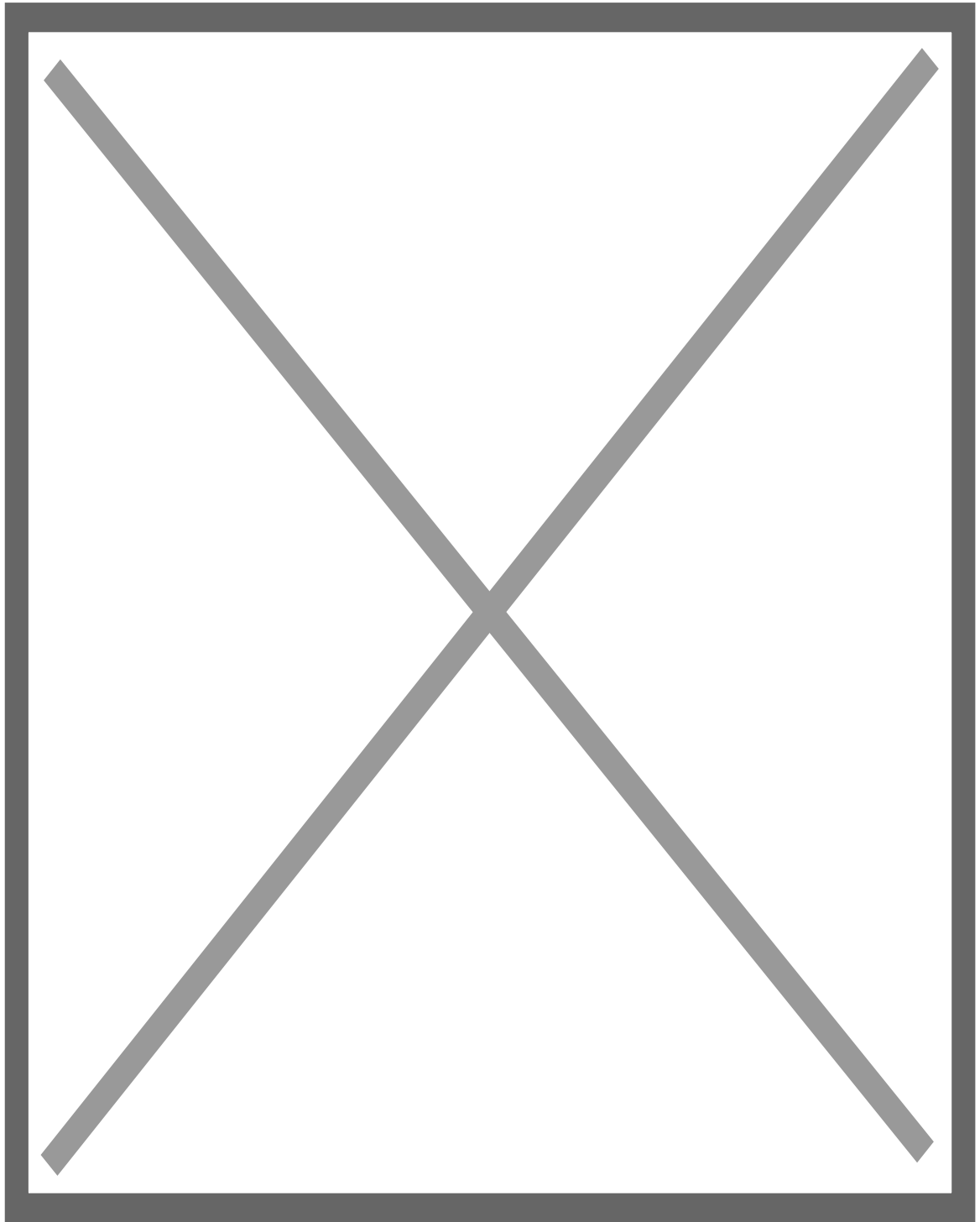
Đó là năm phước đức lớn mà người thuyết kinh, giảng pháp có được phước đức ấy.

Trong Đại phẩm, đức Phật dạy: “Này các thầy Tỳ-kheo, hãy đi đi, đi khắp nơi vì lợi lạc và hạnh phúc của số đông, vì lòng từ bi đối với cuộc đời, vì lợi lạc và hạnh phúc của chư thiên và loài người. Chớ đi hai người chung đường với nhau. Này các thầy Tỳ-kheo, hãy thuyết giảng giáo pháp cao thượng toàn hảo ở phần đầu, cao thượng toàn hảo ở phần giữa và cao thượng toàn hảo ở phần cuối, cả về ý nghĩa lẫn văn cú.

Hãy giảng giải sự trọn vẹn viên mãn, đời sống thanh tịnh của trạng thái cao thượng. Có những người mà trí óc chỉ bị lu mờ vì đôi chút bụi bặm, nếu không được nghe pháp thì họ không thể được giải thoát; những người ấy sẽ hiểu pháp”.

Đức Phật đã tuyên thuyết điều Ngài biết, Ngài làm. Đây là sự chân thật.

Trưởng lão Xá-lợi-phất tuân theo lời Đức Phật, huấn luyện chỉ dạy cho các vị tỳ kheo giảng sư sắp đi hoằng pháp ở phương xa. Tôn giả vừa giả định các câu hỏi sẽ được đặt ra cho các giảng sư rồi tự nói câu trả lời: “Đạo sư của Tôn giả nói gì, tuyên bố gì? Được hỏi như vậy, này các Hiền giả, các Hiền giả phải trả lời: Này chư vị, bậc Đạo sư của chúng tôi nói đến sự điều phục dục và tham. (Tương ưng bộ).



Thường một vị giảng sư cần giữ 5 nguyên tắc về việc thuyết giảng Phật pháp:

Một là, thuyết pháp theo thứ lớp, từ thấp đến cao;

Hai là thuyết y theo các pháp môn của kinh điển, không được sai lầm;

Ba là thuyết pháp vì lòng từ bi, muốn lợi ích cho mọi người;

Bốn là thuyết pháp không phải vì lợi ích cá nhân của mình, không mong được đền đáp;

Năm là không được tự khen mình, chê bai người khác, tôn giáo khác.

Trong kinh Ưu Bà tắc giới đức Phật còn chỉ dạy chi tiết 16 điều cần ghi nhớ trong việc thuyết giảng Phật pháp : 1. Thuyết giảng tùy thời; 2. Thuyết giảng hết lòng; 3. Thuyết giảng theo thứ tự từ dễ đến khó, từ thấp đến cao; 4. Thuyết giảng một cách hòa hợp; 5. Thuyết giảng đúng theo nghĩa lý; 6. Thuyết giảng với tâm hoan hỷ; 7. Tùy ý thuyết giảng; 8. Không khinh thường thính chúng; 9. Không mắng chửi thính chúng; 10. Giảng đúng như pháp; 11. Nói pháp lợi mình và lợi người; 12. Nói pháp không tán loạn; 13. Nói pháp hợp nghĩa lý; 14. Nói chân chính; 15. Giảng pháp với tâm không kiêu mạn; 16. Giảng Phật pháp không cần người đền ơn.

3. Phương pháp thực giải kinh điển Phật giáo

Cả đời giáo hóa độ sinh, đức Phật Thích Ca Mâu Ni thường giảng giải chân lý Phật pháp bằng ngôn ngữ mẹ đẻ của thính chúng, một cách đơn giản, dễ hiểu, dễ nắm bắt. dễ thực hành nhất trong đời sống thực tế.

Thực là chân thực, thực tế; **giải** là giải thích, giải nghĩa, giảng giải cho rõ nghĩa ra.

Thực giải là giải thích, giảng giải kinh điển, giáo lý Phật giáo một cách chân thật, rõ ràng, đơn giản, tránh rườm rà phức tạp, giúp người nghe, người đọc dễ hiểu, dễ nắm bắt, dễ áp dụng thực hành trong đời sống hàng ngày, chuyển hóa vô minh phiền não khổ đau, đạt được an vui hạnh phúc hướng đến giác ngộ.

Thực giải kinh điển xu hướng phù hợp với tinh thần giáo hóa, giảng pháp của cả đời đức Phật Thích Ca Mâu Ni; phù hợp với văn hóa chọn đơn giản của người Việt Nam ta; phù hợp với thời hiện đại khi nhịp sống quá nhặt, quá căng thẳng, quá nhiều thông tin, lo toan làm rối rắm đời sống con người.

Giải nghĩa kinh điển đơn giản rõ ràng, giữ gìn oai nghi trên pháp tòa, lập cấu trúc logic, xác định rõ giảng ở đâu, giảng cho ai nghe, giảng nội dung gì, giảng như thế nào, mong muốn hướng đến kết quả như thế nào, biết cách phân loại bài giảng, chọn chủ đề tài phù hợp, dựa theo kinh gốc Phật dạy, dùng phương pháp thực giải đơn giản dễ hiểu dễ nắm bắt, dễ áp dụng thực hành trong đời sống thực tế hàng ngày.

Chú ý đến phong tục tập quán tín ngưỡng, bối cảnh lịch sử, địa lý, không phê phán các tôn giáo khác.

Biết vận dụng văn học âm nhạc, ca dao phong dao tục ngữ thành ngữ vào bài giảng cho thêm sinh động.

Quan trọng của phương pháp thực giải là giảng giải chân thực đúng ý nghĩa giáo lý của văn kinh, chân lý giúp người nghe hiểu được, áp dụng được trong đời sống hàng ngày bớt khổ, thêm vui, hướng đến giác ngộ giải thoát. Dưới đây là ví dụ cụ thể về cách thực giải một vài bài kinh quan trọng trong Phật giáo như *kinh Trung đạo nhân duyên* và *kinh Từ bi* (Xem thêm *Đại thừa lục kinh thực giải; Kinh thường tụng thực giải; Thực giải các kinh phổ biến*).

4. Kinh Trung đạo nhân duyên thực giải

Đây là bài kinh số 99, trong Tập A hàm, nói về chính kiến, được đức Phật giảng rõ tại ngôi nhà khách ở trong một khu rừng thuộc tự lạc Na Lợi, khi Tôn giả Tán Đà Ca Chiên Diên thưa hỏi.

Người đời thông thường nghiêng về hai khuynh hướng nhận thức: một là có, hai là không; chấp có hay chấp không cũng đều là chấp cả, hễ chấp sẽ khổ.

Vướng mắc, chấp cố là do không thông đạt, bị vướng kẹt vào tri giác, nhận thức, hiểu biết sai lầm của mình. Vì vướng mắc vào nhận thức, tri giác, hiểu biết sai lầm cho nên mới vướng kẹt cố chấp vào hoặc ý niệm có hoặc ý niệm không.

Vượt qua ý niệm chấp có và chấp không là chúng ta đã giải thoát được một phần quan trọng, điều này vận dụng vào thực tế sẽ thấy rõ.

Người đời, hiếm thấy ai không bị kẹt vào chấp (cố chấp) và thủ (nắm giữ) Người không bị kẹt vào chấp và thủ thì không còn nắm giữ, kế đạt và vọng tưởng về cái ngã, cái ta, cái tôi, cái của tôi nữa. Người ấy biết khổ đau phiền não khi có điều kiện phát sinh thì nó phát sinh, khi hết điều kiện tồn tại thì nó mất đi, người ấy không còn nghi hoặc gì nữa cả. Cái thấy của người ấy không do bị ảnh hưởng của kẻ khác, của số đông mà có, trái lại do chính người ấy, nhờ tu tập đúng chính pháp, đạt được. Cái thấy ấy gọi là chính kiến. Đó là cách giải thích, trình bày chính kiến của Như Lai.

Người có chính kiến (tri kiến chân chính) khi quán sát về sự sinh khởi của thế gian thì không thấy, không chấp thế gian là không. Người có tri kiến chân chính thì khi quán sát về sự hoại diệt của thế gian thì không thấy, không chấp thế gian là có.

Đương nhiên "chấp có" là một biên kiến, "chấp không" là một biên kiến khác; Như Lai, bậc trí tuệ thông đạt xa lìa, vượt lên hai biên kiến đó mà thuyết pháp trung đạo.

Con đường Trung đạo là con đường đưa đến giải thoát giác ngộ.

Lý Trung đạo nhân duyên chỉ ra cái này có vì cái kia có, cái này sinh vì cái kia sinh; cái này không vì cái kia không, cái này diệt vì cái kia diệt. Mọi thứ trên đời đều do nhiều nhân duyên hợp lại mà thành, cũng do duyên tan rã mà hoại, không có cái gì tồn tại độc lập một mình.

Từ vô minh mà có hành, từ hành mà có thức, từ thức mà có danh sắc, từ danh sắc mà có lục nhập, từ lục nhập mà có xúc, từ xúc mà có thọ, từ thọ mà có ái, từ ái mà có thủ, từ thủ mà có hữu, từ hữu mà có sinh, từ sinh mà có lão tử và khổ đau, phiền não, lo sầu chông chất thành đồng thành khối.

Nói đơn giản, con người vì u mê, tham luyến, cố chấp, không biết tu tập nên từ thân, miệng, ý làm tổn hại người vật thiên nhiên, gây ra nhiều nghiệp chướng, phải theo nghiệp chướng ấy mà chịu quả báo khổ đau bất tận trong sáu nẻo sinh tử luân hồi (Địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, A tu la, người, trời).

Chiều ngược lại, nếu vô minh không còn, thì hành không còn, hành không còn thì thức không còn, thức không còn thì danh sắc không còn, danh sắc không còn thì lục nhập không còn, lục nhập không còn thì xúc không còn, xúc không còn thì thọ không còn, thọ không còn thì ái không còn, ái không còn thì thủ không còn, thủ không còn thì hữu không còn, hữu không còn thì sinh không còn, sinh không còn thì lão tử không còn và nguyên khối khổ đau phiền não lo sầu chông chất kia bị tiêu diệt hoàn toàn.

Tức là người tu tập thành tựu trí tuệ giác ngộ, chuyển hóa, đoạn trừ hoàn toàn tận gốc vô minh phiền não, thân khẩu ý không còn gây tạo tội nghiệp, vượt qua khỏi tham ái, vướng mắc, chấp thủ thì sẽ vượt thoát mọi nỗi khổ niềm đau trong sinh tử luân hồi.

Khi đức Phật giảng kinh này xong, tôn giả Tán Đà Ca Chiên Diên thấy tâm bừng sáng giải thoát, cắt đứt được các vô minh phiền não chứng được thánh quả A La Hán, giải thoát được mọi nỗi khổ đau trong sinh tử luân hồi.

Vô minh là u mê, không sáng suốt, ai chưa hiểu rõ về tứ đế, chưa minh tâm kiến tánh, chưa thấu rõ lý duyên khởi, chưa chuyển hóa hoàn toàn tập khí phiền não, chưa thông đạt chân lý Trung đạo, chưa hiểu biết đúng như thật về thực tính của vạn pháp đều là còn vô minh.

Đức Phật dạy chân lý Trung đạo, Khổng Tử nói đạo Trung dung; ông bà ta bảo lẽ vừa phải, không quá tuy nông sâu có khác nhưng giá trị ứng dụng thực tế thì vô cùng tuyệt vời. Đương nhiên vấn đề này chỉ có đạt nhân mới thấu đáo tường tận.

Độc tụng, tư duy, chiêm nghiệm, thực hành kinh Trung đạo nhân duyên, dùng tuệ giác duyên khởi soi sáng cuộc đời, giúp chúng ta nhìn mọi thứ thông đạt thấu đáo và độ lượng, dần dần không còn vướng chấp vào bất cứ thứ gì, vượt thoát mọi nỗi khổ niềm đau trong cuộc đời.

Kinh trung đạo Lý nhân duyên Tham chấp khổ sầu Chính kiến giải thoát Nên tu học

5. Kinh T bi thc gii

Đây là bài kinh trong kinh Tập thuộc Tiểu bộ kinh, dạy pháp thực hành tâm từ bi đối với tất cả chúng sinh.

Thông thường chúng ta hay nghe từ là ban vui, bi là cứu khổ; từ bi hai chữ diệt oan khiên; niệm Phật chuyên tâm tiêu vạn tội.

Một cách giải thích đơn giản từ bi là tình thương yêu chân thật, không dính mắc, không chấp thủ. Từ bi là thể của ba đời mười phương chư Phật.

Một vị Phật đầy đủ từ bi trọn vẹn và trí tuệ viên mãn, cho nên người Phật tử tu tập phát triển tâm từ bi là lẽ đương nhiên.

Những người muốn tu tập phát triển hạnh từ bi đúng theo lời dạy của đức Phật, tâm hằng mong sống đời bình yên thanh tịnh, hướng thượng, thường thực tập quán từ bi, thể hiện đời sống từ bi theo pháp, có khả năng sống rất chất phác, hiền hòa, không kiêu mạn, không sát sinh trong mọi trường hợp.

Chọn lối sống đơn giản dễ dàng, tri túc, thanh đạm, bất hại, có ý thức bảo vệ giữ gìn môi sinh, không bôn ba rộn ràng tìm cầu danh lợi hơn thua tranh chấp trong thế gian.

Hàng ngày chính niệm, tỉnh giác phòng hộ giữ gìn lục căn (Mắt ,tai, mũi, lưỡi, thân và ý) luôn trong sáng, không bị lục trần (Sắc thanh hương vị xúc pháp) dẫn dắt, càng tu trí tuệ càng từ bi sáng suốt, tâm lực ý chí càng mạnh mẽ, chuyên cần tinh tấn toạ thiền học kinh, quán từ bi, không quyến luyến ái niệm, tuyệt không làm điều xấu ác tổn hại người vật thiên nhiên dù là nhỏ nhất.

Tâm luôn hướng nguyện cho chúng sinh, cho đất nước, cho con người thái bình an lạc, tất cả mọi sinh linh trong tam giới an lành, tràn đầy hạnh phúc.

Khởi lòng từ bi vô lượng với tất cả các loại chúng sinh không có một chút phân biệt dù yếu mạnh, lớn nhỏ hoặc trung bình, thấp cao không đồng đẳng và hết thảy chúng hữu tình, lòng từ vô phân biệt, cả hữu hình, vô hình; đã sinh hoặc chưa sinh, gần xa không kể xiết.

Lòng luôn hằng mong chúng sinh con người biết quy y Tam Bảo, giữ gìn 5 giới, siêng tu thập thiện, phát lòng Bồ đề, đừng lừa đảo mưu hại lẫn nhau, không bắt măn thù hằn, không gây ra đau khổ, vì tâm niệm vô minh sân si, cũng đừng vì nuôi oán hờn vọng tưởng mà làm hại lẫn nhau, gây khổ cho nhau.

Tâm từ bi phát nguyện càng rộng lớn, mong tất cả vạn loại chúng sinh mở rộng tình thương, hy sinh như mẹ hiền, suốt đời lo che chở, đưa con một của mình,

Hãy phát tâm từ bi vô lượng, đến tất cả sinh linh, hạt giống từ bi gieo cùng khắp cả tam giới, thế gian khổ ải, trên dưới và quanh mình, hoàn toàn không còn ích kỷ hẹp hòi oan trái, không hờn giận căm thù.

Từ bi tỉnh giác trong tứ oai nghi khi đi, đứng, ngồi, nằm, khi nào còn thức tỉnh, tâm luôn giữ niệm từ bi này, thân tâm thường thanh tịnh, phạm hạnh chính là đây.

Tu tập từ bi đúng pháp xả ly tà kiến và chấp thủ, nghiệm trì giới hạnh trọn vẹn, sẽ đạt Chính trí viên mãn, không ái nhiễm, không tham đắm ngũ dục lục trần, từng bước thoát ly khổ não trong đường sinh tử luân hồi.

Từ bi là tâm của Phật, tu tập phát triển tâm từ bi hàng ngày, chính là làm sáng tâm Phật chính mình, là đang sống gần với Phật, rất có ích lợi cho bản thân, gia đình, xã hội và đất nước.

Dành khoảng 10 phút mỗi ngày tụng/ đọc một bài kinh từ bi của Phật là việc làm rất có ý nghĩa.

Các cháu học sinh mà học thuộc bài kinh này lớn lên sẽ hiếu thảo với ông bà cha mẹ, yêu thương quý mến mọi người, người công dân tốt của đất nước, của nhân loại.

Theo chỗ chúng tôi thấy, từ xưa đến nay định nghĩa: Đạo Phật là đạo từ bi, là định nghĩa hay nhất, đơn giản nhất, và có tính phổ quát nhất khi nói về Phật giáo.

Kinh từ bi Rộng bao la Sáng tặng niềm vui Chiều giúp bớt khổ Tâm Phật tổ

Thay lời kết

Thể loại luận trong tam tạng chủ yếu là để giải thích, giảng giải kinh, luật rõ ràng hơn và cũng để bảo vệ, xiển dương chính pháp qua các thời kỳ như chúng ta đã chứng kiến từ hơn 2500 trước đến nay hàng vạn bộ luận lớn nhỏ ra đời làm cho Tam tạng thánh điển Phật giáo càng thêm đồ sộ, phong phú đa dạng, góp phần làm làm giàu đích thực cho nền văn hóa, văn minh nhân loại.

Con người trong xã hội hiện đại có quá nhiều những lo toan, căng thẳng, phiền não, bất an, phần lớn thời gian phải lo bôn ba mưu toan cuộc sống. Những người cư sĩ Phật tử có tín tâm với Tam bảo cũng ở trong vòng xoáy đó, tranh thủ được một ít thời gian tu tập ngồi thiền, học kinh là quý lắm rồi. Cho nên bên cạnh các cách chú giải, sớ giải, yếu giải, diễn giải, giảng giải, lược giải, nghĩa giải, thiền giải, huyền giải, tường giải, luận giải, quảng giải kinh điển truyền thống, thì **phương pháp thực giải** là cần thiết và phù hợp giúp cho đại đa số đồng bào cư sĩ Phật tử và những người yêu mến đạo Phật có thể dễ dàng tiếp cận, học hỏi, thực hành kinh điển Phật giáo, hướng tới một cuộc sống bình an, hạnh phúc và giác ngộ.

Cách thực giải Kinh điển Phật Đơn giản, dễ hiểu Áp dụng thực hành Giải như thật

Tác giả: **Thượng tọa TS Thích Hạnh Tuệ - TS Thích nữ Thanh Quế**

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đại chánh tân tu đại tạng kinh (bản hán)
2. Mục lục Tam tạng Đại chánh. Thích Nhật Từ soạn
3. Từ điển Phật học Huệ Quang, HT Minh Cảnh chủ biên
4. Thanh Từ toàn tập, *Luận bộ giảng giải*, Nxb Tôn giáo
5. Kinh Tứ niệm xứ, bản dịch HT Nhất Hạnh
6. Kinh Viên giác, bản dịch HT Thiện Hoa
7. Kinh Thắng Man, bản dịch HT Tuệ Sỹ
8. Kinh Vô ngã tướng, bản dịch HT Minh Châu
9. Đệ tam Pháp chủ toàn tập, Nxb Tôn giáo
10. Kinh Trung đạo nhân duyên thực giải, TS Hạnh Tuệ - TS Thanh Quế
11. Kinh Từ bi thực giải, TS Hạnh Tuệ - TS Thanh Quế
12. Thành Duy thức luận, HT Thiện Siêu dịch
13. Toàn tập Thích Minh Châu, Nxb Hồng Đức
14. Trí Tịnh toàn tập, Nxb Tôn giáo
15. Trí Quảng toàn tập, Nxb Hồng Đức